ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1887 /GPMT-UBND	*Bắc Ninh, ngày 09 tháng 7 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 856/TTr-SNNMT ngày 06/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam, địa chỉ tại lô C1, Khu công nghiệp Nam Sơn – Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn và xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Dự án công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam" tại địa điểm 1: Lô C1, khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn và xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh; địa điểm 2: Lô C2, khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn và xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Dự án công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động:

- Địa điểm 1: Lô C1, khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn và xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh.

- Địa điểm 2: Lô C2, khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn và xã Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương:

- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2301176762 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 25/5/2021, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 12/01/2026.

- Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 9860752163 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/5/2021, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 06 ngày 12/05/2026.

1.4. Mã số thuế: 2301176762.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất và gia công vỏ, nút bấm và các linh kiện nhựa khác của máy tính bảng, bút thông minh, loa, sạc, chuột máy tính, tai nghe, mô-đun bàn phím, ốp lưng điện thoại, sạc pin dự phòng, thiết bị công nghệ thực tế ảo, bàn chải đánh răng, dao cạo râu, thiết bị làm trắng răng, điều khiển từ xa, máy cắt cỏ, máy pha cà phê, máy hút bụi, máy lau sàn và các thiết bị đồ điện dân dụng, thiết bị điện tử, thiết bị cáp quang, thiết bị viễn thông và các thiết bị điện, điện tử tương tự.

- Sản xuất và gia công các sản phẩm: Chuột máy tính, tai nghe không dây (TWS)

- Sản xuất và gia công các sản phẩm: Bàn chải đánh răng dùng pin, thiết bị làm trắng răng.

- Sản xuất và gia công các sản phẩm: Dao cạo râu cầm tay, dao cạo râu dùng pin.

- Sản xuất, gia công, phân loại tấm tản nhiệt màn hình OLED của điện thoại thông minh và máy tính bảng.

- Sản xuất, gia công tấm tản nhiệt dùng cho máy tính, máy chủ (Server).

- Sản xuất, gia công khuôn mẫu, công cụ dụng cụ, đồ gá của các sản phẩm do Công ty sản xuất.

- Sản xuất, gia công máy xén cỏ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

1.6.1. Diện tích:

- Địa điểm 1: 103.558,5 m^2.

- Địa điểm 2: 103.558,5 m^2

1.6.2. Nhóm dự án:

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B *(phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).*

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm I *(theo quy định tại STT12 Mục V Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày*

29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

1.6.3. Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

* Công suất:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô				
		ĐVT / năm	Số lượng			
			Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Tổng
1	Sản xuất và gia công vỏ, nút bấm và các linh kiện nhựa khác của máy tính bảng, bút thông minh, loa, sạc, chuột máy tính, tai nghe, mô-đun bàn phím, ốp lưng điện thoại, sạc pin dự phòng, thiết bị công nghệ thực tế ảo, bàn chải đánh răng, dao cạo râu, thiết bị làm trắng răng, điều khiển từ xa, máy cắt cỏ, máy pha cà phê, máy hút bụi, máy lau sàn và các thiết bị đồ điện dân dụng, thiết bị điện tử, thiết bị cáp quang, thiết bị viễn thông và các thiết bị	Sản phẩm	600.000.000	390.000.000	1.000.000.000	1.990.000.000

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô				
		ĐVT / năm	Số lượng			
			Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Tổng
	điện, điện tử tương tự.					
2	Sản xuất và gia công các sản phẩm: chuột máy tính, tai nghe không dây (TWS)	Sản phẩm	7.200.000	6.300.000	6.000.000	19.500.000
3	Sản xuất và gia công các sản phẩm: Bàn chải đánh răng dùng pin, thiết bị làm trắng răng	Sản phẩm	25.000.000	5.000.000	10.000.000	40.000.000
4	Sản xuất và gia công các sản phẩm: Dao cạo râu cầm tay, dao cạo râu dùng pin	Sản phẩm	8.000.000	4.000.000	3.000.000	15.000.000
5	Sản xuất, gia công, phân loại tấm tản nhiệt màn hình OLED của điện thoại thông minh và máy tính bảng;	Sản phẩm	100.000	400.000	500.000	1.000.000
6	Sản xuất, gia công tấm tản nhiệt dùng cho máy tính, máy chủ (Server)	Sản phẩm	300.000	400.000	300.000	1.000.000
7	Sản xuất, gia công khuôn	Sản	1.000	1.000	3.000	5.000

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô				
		ĐVT / năm	Số lượng			
			Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Tổng
	mẫu, công cụ dụng cụ, đồ gá của các sản phẩm do Công ty sản xuất	phẩm				
8	Sản xuất, gia công máy xén cỏ	Sản phẩm	3.000.000	0	0	3.000.000

* Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

1) Quy trình sản xuất và gia công vỏ, nút bấm và các linh kiện nhựa khác của máy tính bảng, bút thông minh, loa, sạc, chuột máy tính, tai nghe, mô-đun bàn phím, ốp lưng điện thoại, sạc pin dự phòng, thiết bị công nghệ thực tế ảo, bàn chải đánh răng, dao cạo râu, thiết bị làm trắng răng, điều khiển từ xa, máy cắt cỏ, máy pha cà phê, máy hút bụi, máy lau sàn và các thiết bị đồ điện dân dụng, thiết bị điện tử, thiết bị cáp quang, thiết bị viễn thông và các thiết bị điện, điện tử tương tự:

+ Nhựa nguyên sinh → Đúc ép → Lắp ráp và kiểm tra → Mài, đánh bóng CNC, khắc laser (nếu có) → Phun sơn/In pad → Khắc laser → Lắp ráp → Đóng gói, nhập kho.

+ Vật liệu kim loại → Dập thành hình → Mài, đánh bóng CNC→ Rửa → Hàn laser, lắp ráp, kiểm tra → Phun sơn/In pad → Khắc laser → Lắp ráp → Đóng gói, nhập kho.

2) Quy trình sản xuất, gia công các sản phẩm: Chuột máy tính, tai nghe không dây (TWS); Sản xuất, gia công các sản phẩm: Bàn chải đánh răng dùng pin, thiết bị làm trắng răng; Sản xuất, gia công khuôn mẫu, công cụ dụng cụ, đồ gá của sản phẩm Công ty đang sản xuất:

+ Nhựa nguyên sinh → Đúc ép → Lắp ráp và kiểm tra → Mài, đánh bóng CNC hoặc khắc laser (nếu có) → Phun sơn/In pad → Khắc laser → Lắp ráp → Đóng gói, nhập kho.

+ Vật liệu kim loại → Dập thành hình → CNC, mài, đánh bóng hoặc khắc laser (nếu có) → Làm sạch bề mặt → Hàn laser, lắp ráp, kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

3) Quy trình sản xuất và gia công các sản phẩm: Dao cạo râu cầm tay, dao cạo râu dùng pin:

- Nhựa nguyên sinh → Đúc ép → Lắp ráp và kiểm tra → Mài, đánh bóng CNC hoặc khắc laser (nếu có) → Phun sơn/In pad → Khắc laser → Lắp ráp linh kiện → Đóng gói, nhập kho.

4) Quy trình sản xuất, gia công, phân loại tấm tản nhiệt màn hình OLED của điện thoại thông minh và máy tính bảng:

Vật liệu tấm → Phân tấm → Dập và cắt → Lắp ráp, kiểm tra → Nhập kho

Vật liệu kim loại → Dập và cắt → Khắc laser, kiểm tra → Lắp ráp → Khắc laser → Đóng gói, nhập kho.

5) Quy trình sản xuất tấm tản nhiệt dùng cho máy tính, máy chủ:

Vật liệu kim loại → Dập thành hình → Hàn → CNC → Rửa → Kiểm tra nhiệt độ, lắp ráp, kiểm tra chất lượng → Đóng gói, nhập kho.

6) Quy trình sản xuất, gia công máy xén cỏ:

Nhựa nguyên sinh → Đúc ép → Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Không.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

3.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Công ty TNHH Công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 7 (bảy) năm kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở "Dự án công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam" theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1103/QĐ-SNNMT ngày 05/06/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam".

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH Công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép môi trường này thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1887*/GPMT-UBND ngày 09 /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Cơ sở tại 2 địa điểm, sau khi xử lý tại 3 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (công suất 150m^3/ngày đêm và công suất 500m^3/ngày đêm tại địa điểm 1 công suất 650m^3/ngày đêm tại địa điểm 2) đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh (do Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP xây dựng và quản lý vận hành) để tiếp tục xử lý *(theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 0108/HDNT-NSHL/2023 ngày 01/08/2023 giữa Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP và Công ty TNHH Công nghệ kỹ thuật cao Hi-P Việt Nam)*, Cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn dập bụi sơn của hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn được thu gom về bể chứa 80 m^3 để vớt cặn sơn. Phần nước trong được tuần hoàn tái sử dụng cho công đoạn dập bụi sơn, cặn sơn được thu gom, quản lý và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở. Định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý theo quy định.

+ Nước thải phát sinh từ công đoạn mài, đánh bóng CNC: Nước sử dụng trong các máy mài, đánh bóng được tuần hoàn trở lại hệ thống khoang máy. Định kỳ khoảng 2 tuần/lần sẽ được thay thế, được thu gom, quản lý và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở.

+ Dung dịch thải từ công đoạn rửa khuôn: Quá trình rửa khuôn sử dụng dung dịch làm sạch chuyên dụng (Mã hóa chất: HJ-102C). Định mức sử dụng hóa chất khoảng 40 lít/lần và định kỳ 3 tháng thay thế 1 lần. Toàn bộ lượng dung dịch thải bỏ được thu gom, quản lý và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở.

- Nước làm mát trong công đoạn định hình sản phẩm được tuần hoàn trở lại theo hệ thống làm mát tháp giải nhiệt, định kỳ bổ sung khoảng 8 m^3/ngày (thất thoát do bay hơi), không xả nước thải ra môi trường.

Vì vậy, Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1 Nước thải sinh hoạt:

* Tại địa điểm 1 (lô C1):

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà ăn sau khi được xử lý sơ bộ tại 01 bể tách mỡ với dung tích 2,5 m^3, sau đó chảy theo đường ống HDPE D300 chiều dài 199m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150m^3/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại 07 bể tự hoại 3 ngăn, với tổng dung tích 190m^3 (02 bể tự hoại dung tích 50 m^3/bể tại khu vực xưởng sản xuất, 02 bể tự hoại dung tích 30 m^3/bể tại khu vực văn phòng, 03 bể tự hoại dung tích 10 m^3/bể tại khu vực nhà ăn), sau đó chảy theo các đường ống HDPE (D300 và D400) với tổng chiều dài 1400m dẫn về 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150 m^3/ngày đêm để xử lý.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại 06 bể tự hoại 3 ngăn, với tổng dung tích 220m^3 (03 bể tự hoại dung tích 50 m^3/bể tại khu vực xưởng sản xuất, 02 bể tự hoại dung tích 30 m^3/bể tại khu vực văn phòng, 01 bể tự hoại dung tích 10 m^3/bể tại khu vực nhà ăn), sau đó chảy theo các đường ống HDPE (D300 và D400) với tổng chiều dài 1000m, dẫn về 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500 m^3/ngày đêm để xử lý.

* Tại địa điểm 2 (lô C2):

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ tại 06 bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích 160m^3 (02 bể tự hoại dung tích 50 m^3/bể tại khu vực xưởng sản xuất, 01 bể tự hoại dung tích 30 m^3/bể tại khu vực văn phòng, 03 bể tự hoại dung tích 10 m^3/bể tại khu vực nhà ăn), sau đó chảy theo các đường ống HDPE (D300 và D400) với tổng chiều dài 1400m dẫn về 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 650 m^3/ngày đêm để xử lý.

1.1.2 Nước thải sản xuất:

- Nước làm mát trong công đoạn định hình sản phẩm được tuần hoàn trở lại theo hệ thống làm mát tháp giải nhiệt, định kỳ bổ sung khoảng 8 m^3/ngày (thất thoát do bay hơi), không xả nước thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn dập bụi sơn của hệ thống xử lý khí thải khu vực sơn được thu gom về bể chứa 80 m^3 để vớt cặn sơn. Phần nước trong được tuần hoàn tái sử dụng cho công đoạn dập bụi sơn, cặn sơn được thu gom, quản lý và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở. Định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải phát sinh từ công đoạn mài, đánh bóng CNC: Nước sử dụng trong các máy mài, đánh bóng được tuần hoàn trở lại hệ thống khoang máy. Định

kỳ khoảng 2 tuần/lần sẽ được thay thế, được thu gom, quản lý và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở.

- Dung dịch thải từ công đoạn rửa khuôn: Quá trình rửa khuôn sử dụng dung dịch làm sạch chuyên dụng (Mã hóa chất: HJ-102C). Định mức sử dụng hóa chất khoảng 40 lít/lần và định kỳ 3 tháng thay thế 1 lần. Toàn bộ lượng dung dịch thải bỏ được thu gom, quản lý và xử lý cùng với chất thải nguy hại phát sinh từ cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

* Tại địa điểm 1 (lô C1):

- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 150m^3/ngày đêm.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Hố ga tiếp nhận nước thải → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh.

+ Công suất thiết kế: 150m^3/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, Mật rỉ đường, NaOH.

- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 500m^3/ngày đêm

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Bể gom + song chắn rác → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí + MBBR → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh.

+ Công suất thiết kế: 500m^3/ngày đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, Mật rỉ đường, NaOH.

* Tại địa điểm 2 (Lô C2):

- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 650m^3/ngày đêm.

+ Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau xử lý sơ bộ) → Bể gom + song chắn rác → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí + MBBR → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh.

+ Công suất thiết kế: 650m^3/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, Mật rỉ đường, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế *(có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành)*.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, thuê đơn vị có chức năng hút, vận chuyển xử lý theo đúng quy định, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vận hành đạt tiêu chuẩn trước khi đưa vào sử dụng trở lại; Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản của công ty, công ty lân cận,…

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể: Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt. Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

1.4.3. Vị trí đấu nối nước thải:

Nước thải sau khi được xử lý tại 03 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (công suất 150m^3/ngày đêm và công suất 500m^3/ngày đêm tại địa điểm 1 (lô C1); công suất 650m^3/ngày đêm tại địa điểm 2 (lô C2)) được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Sơn - Hạp Lĩnh qua 01 điểm đấu nối nước thải có tọa độ: X = 2337492; Y = 405684 *(theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107^{0}00', múi chiếu 3^0).*

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải do nước thải sau xử lý của Cơ sở được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Sơn – Hạp Lĩnh *(theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/ NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025).*

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nam Sơn – Hạp Lĩnh và đấu

nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Sơn – Hạp Lĩnh, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, cơ quan chức năng ở địa phương, Tổng Công ty phát triển đô thị Kinh Bắc - CTCP để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 09 nguồn.

- Nguồn số 01: Khí thải từ quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 02: Khí thải từ quá trình sơn tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 03: Khí thải từ quá trình sấy sau sơn tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 04: Khí thải từ quá trình in, sấy sau sơn tại nhà xưởng số 3;

- Nguồn số 05: Khí thải từ quá trình hàn của thiết bị hàn hồi lưu tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 06: Khí thải từ quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 07: Khí thải từ quá trình hàn thủ công tại tầng 3 của khu nhà văn phòng số 1;

- Nguồn số 08: Khí thải từ quá trình hàn tự động tại nhà xưởng số 3.

- Nguồn số 09: Khí thải từ quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 6.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01 (OK1): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X_1 = 2337399; Y_1 = 405798.

- Dòng khí thải số 02 (OK2): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn tại nhà xưởng số 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X_2 = 2337430; Y_2 = 405712.

- Dòng khí thải số 03 (OK3): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy sau sơn tại nhà xưởng số 2, Tọa độ vị trí xả khí thải: X_3 = 2337429; Y_3 = 405714.

- Dòng khí thải số 04 (OK4): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K tại nhà xưởng số 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X_4 = 2337552; Y_4 = 405857.

- Dòng khí thải số 05 (OK5): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của thiết bị hàn hồi lưu tại nhà xưởng số 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X_5 = 2337491; Y_5 = 405799.

- Dòng khí thải số 06 (OK6): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn thủ công tại tầng 3 của khu nhà văn phòng số 1. Tọa độ vị trí xả khí thải: X_6 = 2337460; Y_6 = 405885.

- Dòng khí thải số 07 (OK7): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in, sấy sau sơn tại nhà xưởng số 3. Tọa độ vị trí xả khí thải: X_7 = 2337398; Y_7 = 405914.

- Dòng khí thải số 08 (OK8): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn tự động tại nhà xưởng số 3. Tọa độ vị trí xả khí thải: X_8 = 2337399; Y_8 = 405856.

- Dòng khí thải số 09 (OK9): Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 6. Tọa độ vị trí xả khí thải: X_9 = 2337337; Y_9 = 405913.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^0 00'$, múi chiếu 3^0)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 275.500 m^3/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 25.500m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 50.000m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 33.000m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 50.000m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 30.000m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 50.000m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí tương ứng, xả liên tục trong quá trình hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024 /BTNMT, cột B)	Quan trắc tự động liên tục	Tần suất quan trắc định kỳ
I	**Hệ thống xử lý khí thải của quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 2 công suất 25.500 m^3/giờ (OK1), Hệ thống xử lý khí thải của quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 6 công suất 50.000 m^3/giờ (OK9)**				
01	Lưu lượng	mg/Nm^3	-	Không thuộc	Không thuộc

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024 /BTNMT, cột B)	Quan trắc tự động liên tục	Tần suất quan trắc định kỳ
02	Bụi (PM)	mg/Nm^3	≤80	đối tượng	đối tượng
03	SO_2	mg/Nm^3	≤300		
04	CO	mg/Nm^3	≤400		
05	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	≤400		
06	Styren	mg/Nm^3	≤100		
07	Propylen oxyt	mg/Nm^3	≤40		
II	**Hệ thống xử lý khí thải của quá trình sơn tại nhà xưởng số 2 công suất 50.000 m^3/giờ (OK2); Hệ thống xử lý khí thải của quá trình sấy sau sơn tại nhà xưởng số 2 công suất 20.000 m^3/giờ (OK3); Hệ thống xử lý khí thải của quá trình in, sấy sau sơn tại nhà xưởng số 3 công suất 50.000 m^3/giờ (OK7)**				
01	Lưu lượng	m^3/giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
02	Bụi (PM)	mg/Nm^3	≤40		
03	SO_2	mg/Nm^3	≤300		
04	CO	mg/Nm^3	≤400		
05	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	≤400		
06	Benzen	mg/Nm^3	≤5		
07	Styren	mg/Nm^3	≤100		
08	Toluen	mg/Nm^3	≤40		
III	**Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K tại nhà xưởng số 2 công suất 5.000 m^3/giờ (OK4); Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn hồi lưu tại nhà xưởng số 2 công suất 33.000 m^3/giờ (OK5); Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn thủ công tại tầng 3 của khu nhà văn phòng số 1 công suất 12.000 m^3/giờ (OK6); Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn tự động tại nhà xưởng số 3 công suất 30.000 m^3/giờ (OK8).**				
01	Lưu lượng	m^3/giờ	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
02	Bụi (PM)	mg/Nm^3	≤80		
03	SO_2	mg/Nm^3	≤300		
04	CO	mg/Nm^3	≤400		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024 /BTNMT, cột B)	Quan trắc tự động liên tục	Tần suất quan trắc định kỳ
05	NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	≤400		
06	Toluen	mg/Nm^3	≤40		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ 24 máy đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 2 được thu gom bằng 24 ống hút vào các đường ống dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải thông qua quạt hút có lưu lượng 25.500m^3/giờ để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Khí thải phát sinh từ 66 máy đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 6 được thu gom bằng 66 ống hút vào các đường ống khí dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải thông qua quạt hút có lưu lượng 50.000m^3/giờ để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 09 vị trí sơn được thu gom bằng 09 chụp hút vào đường ống dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải thông qua 02 quạt hút có lưu lượng 25.000m^3/giờ/quạt để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 08 vị trí sấy sau sơn được thu gom bằng 08 ống hút vào đường ống dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải thông qua 02 quạt hút có lưu lượng 10.000m^3/giờ/quạt để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 11 vị trí in, sấy sau sơn được thu gom bằng 11 chụp hút vào đường ống dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải thông qua 02 quạt hút có lưu lượng 25.000m^3/giờ/quạt để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 08 vị trí hàn hồi lưu được thu gom bằng 08 ống hút vào đường ống dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải thông qua 01 quạt hút có lưu lượng 33.000m^3/giờ để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 10 vị trí hàn tự động được thu gom bằng 10 ống hút vào đường ống dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải thông qua 01 quạt hút có lưu lượng 30.000m^3/giờ để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 15 vị trí trong quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K được thu gom bằng 15 ống hút vào đường ống dẫn khí thải về hệ thống

xử lý khí thải thông qua 01 quạt hút có lưu lượng 5.000m^3/giờ để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

- Bụi, khí thải phát sinh từ 50 vị trí hàn thủ công được thu gom bằng 50 ống hút vào đường ống dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải thông qua 01 quạt hút có lưu lượng 12.000m^3/giờ để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đùn ép nhựa: Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ quá trình đùn ép nhựa với công suất 25.500 m^3/giờ tại nhà xưởng số 2 và 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ quá trình đùn ép nhựa với công suất 50.000 m^3/giờ tại nhà xưởng số 6:

Quy trình xử lý: Khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Ống thoát khí .

+ Công suất thiết kế: 25.500 m^3/giờ và 50.000 m^3/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Đối với bụi, khí thải từ quá trình sơn tại tại nhà xưởng số 2: Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình sơn tại nhà xưởng số 2 công suất 50.000 m^3/giờ.

Quy trình xử lý: Khí thải → Chụp hút → Buồng dập sơn→ Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp thụ (giàn phun nước) → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí.

+ Công suất thiết kế: 50.000 m^3/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, Nước.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy sau sơn tại nhà xưởng số 2: Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình sấy sau sơn tại nhà xưởng số 2 với công suất 20.000 m^3/giờ.

Quy trình xử lý: Khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí.

+ Công suất: 20.000m^3/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình in, sấy sau sơn tại nhà xưởng số 3: Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình in, sấy sau sơn tại nhà xưởng số 3 với công suất 50.000 m^3/giờ.

Quy trình xử lý: Khí thải → Chụp hút → Buồng dập sơn → Đường ống dẫn khí → Thiết bị hấp thụ (giàn phun nước) → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí.

+ Công suất: 50.000m^3/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, Nước.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn từ thiết bị hàn hồi lưu tại nhà xưởng số 2: Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hàn từ thiết bị hàn hồi lưu tại nhà xưởng số 2 với công suất 33.000 m^3/giờ.

Quy trình xử lý: Khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Tháp rửa ngược dòng → Tháp hút ẩm khử sương → Thiết bị hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí.

+ Công suất: 33.000m^3/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K tại nhà xưởng số 2: Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K tại nhà xưởng số 2 công suất 5.000 m^3/giờ:

Quy trình xử lý: Khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị lọc (sử dụng ống lọc) → Quạt hút → Ống thoát khí

+ Công suất: 5.000m^3/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lõi lọc bụi.

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hàn thủ công tại tầng 3 của khu nhà văn phòng số 1: Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn thủ công tại tầng 3 của khu nhà văn phòng số 1 công suất 12.000 m^3/giờ:

Quy trình xử lý: Khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Thiết bị lọc (sử dụng ống lọc) → Quạt hút → Ống thoát khí.

+ Công suất: 12.000m^3/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lõi lọc bụi.

- Đối với bụi, khí thải từ quá trình hàn tự động tại nhà xưởng số 3: Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hàn tự động tại nhà xưởng số 3 với công suất 30.000 m^3/giờ.

Quy trình xử lý: Khí thải → Ống hút → Đường ống dẫn khí → Tháp rửa ngược dòng → Tháp hút ẩm khử sương → Thiết bị hấp phụ (sử dụng than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí.

+ Công suất: 30.000m^3/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình thiết kế và hướng dẫn vận hành của đơn vị thiết kế.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút,... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc với tuần suất 6 tháng/lần.

- Lập quy trình ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Trường hợp xảy ra sự cố, công ty sẽ dừng ngay hoạt động phát thải liên quan đến hệ thống xử lý khí thải gây ô nhiễm môi trường để triển khai các biện pháp khắc phục; triển khai các biện pháp phù hợp để khử các chất ô nhiễm trong môi trường. Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp gây thiệt hại đến người và tài sản của công ty, công ty lân cận,… hoặc không thể tự khắc phục sự cố và cần sự hỗ trợ của cơ quan chức năng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 6/2027 đến tháng 12/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K tại nhà xưởng số 2 công suất 5.000 m³/giờ (OK4);

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của thiết bị hàn hồi lưu tại nhà xưởng số 2 công suất 33.000 m³/giờ (OK5);

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn thủ công tại tầng 3 của khu nhà văn phòng số 1 công suất 12.000 m³/giờ (OK6);

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in và sấy sau sơn tại nhà xưởng số 3 công suất 50.000 m³/giờ (OK7);

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn tự động tại nhà xưởng số 3 công suất 30.000 m³/giờ (OK8);

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 6 công suất 50.000 m³/giờ (OK9).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí 1: Tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K tại nhà xưởng số 2 công suất 5.000 m³/giờ (OK4);

- Vị trí 2: Tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ từ quá trình hàn của thiết bị hàn hồi lưu tại nhà xưởng số 2 công suất 33.000 m³/giờ (OK5);

- Vị trí 3: Tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ từ quá trình hàn thủ công tại tầng 3 của khu nhà văn phòng số 1 công suất 12.000 m^3/giờ (OK6);

- Vị trí 4: Tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in, sấy sau sơn tại nhà xưởng số 3 công suất 50.000 m^3/giờ (OK7);

- Vị trí 5: Tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn tự động tại nhà xưởng số 3 công suất 30.000 m^3/giờ (OK8);

- Vị trí 6: Tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 6 công suất 50.000 m^3/giờ (OK9);

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Chủ cơ sở.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ khu vực phòng sơn;

- Nguồn số 02: Từ khu vực phòng gia công CNC, mài, đánh bóng;

- Nguồn số 03: Từ khu vực phòng đúc nhựa;

- Nguồn số 04: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 05: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sơn tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 06: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình sấy sau sơn tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 07: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in, sấy sau sơn tại nhà xưởng số 3;

- Nguồn số 08: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của thiết bị hàn hồi lưu tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 09: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn của dây chuyền 40K và 56K tại nhà xưởng số 2;

- Nguồn số 10: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn thủ công tại tầng 3 của khu nhà văn phòng số 1;

- Nguồn số 11: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn tự động tại nhà xưởng số 3;

- Nguồn số 12: Từ khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đùn ép nhựa tại nhà xưởng số 6;

- Nguồn số 13: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất công suất 150m^3/ngày đêm.

- Nguồn số 14: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất công suất 500m^3/ngày đêm .

- Nguồn số 15: Từ khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất công suất 650m^3/ngày đêm .

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (*khu vực E - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật*), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ban ngày (06:00 ~ trước 18:00)	Tối (18:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

2.2. Độ rung:

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*khu vực D - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật*), cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Thực hiện giải pháp cách ly tiếng ồn, như: Bố trí thiết bị có tiếng ồn cao trong phòng riêng, bố trí phòng điều khiển nơi làm việc của công nhân riêng để cách ly với các thiết bị có tiếng ồn cao.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, trang bị đầy đủ các thiết bị chống ồn cho công nhân viên.

- Lắp đặt và vận hành các dây chuyền đúng theo thiết kế. Bảo dưỡng máy móc thường xuyên.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

- Lắp đặt đệm giảm chấn cho các thiết bị, động cơ có độ rung lớn.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: Dự kiến tổng số lượng CTNH phát sinh thường xuyên là 60.128,7 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 265.490,01 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 8.250 kg/ngày tương đương 2.475.000 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Dự kiến tổng số lượng phát sinh chất thải công nghiệp phải kiểm soát là 50.747,1 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho.

- Diện tích kho chứa: 90 m^2.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu giữ tại 01 kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 108 m^2 (lưu giữ cùng với chất thải rắn sinh hoạt).

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt được lưu giữ tại 01 kho chứa chất thải rắn thông thường diện tích 108 m^2 (lưu giữ cùng với chất thải rắn công nghiệp thông thường).

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Công nghệ kỹ thuật cao HI-P Việt Nam có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường này.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố chất thải trong quá trình hoạt động của cơ sở; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành thường xuyên các công trình xử lý nước thải tại cơ sở để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nam Sơn – Hạp Lĩnh và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nam Sơn – Hạp Lĩnh, không xả thải trực tiếp ra môi trường, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ,

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.